TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LÊ CHÂN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 83/2018/HNGĐ-ST Ngày 29-11-2018 V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Văn Bình

Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Linh **-** Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:* Bà Đoàn Thị Hồng Ngọc **-** Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 337/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 82/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Ngô Anh T, sinh năm 196X, nơi cư trú: Đường H, phường A, quận L, Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 197Y, nơi cư trú: Đường H, phường A, quận L, Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Ngô Anh T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị X xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường An Biên, quận Lê Chân, Hải Phòng vào ngày 05/9/2000; đến nay có 02 con chung là Ngô Tuấn A, sinh ngày 29/3/1998 và Ngô Thị Quỳnh A, sinh ngày 29/12/2008. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận hạnh phúc nhưng đến tháng

10 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng nhau về quan điểm sống, lối sống, tính cách, thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau gây mất trật tự xóm phố. Từ đó, không khí gia đình căng thẳng, nặng nề, tình cảm vợ chồng xa cách, mất đi tiếng nói chung. Hai bên gia đình đã khuyên giải và vợ chồng cũng đã cố gắng hàn gắn những rạn nứt nhưng mâu thuẫn vẫn không cải thiện được. Từ năm 2017 đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau về mọi mặt. Nay anh T xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, con chung Ngô Tuấn A đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị giao con Ngô Thị Quỳnh A cho chị X nuôi dưỡng, anh T có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/tháng. Về tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Anh T tự nguyện nộp án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Bị đơn chị Nguyễn Thị X vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên tại các Bản tự khai và các Biên bản hòa giải, chị X trình bày: Về quá trình kết hôn và có con chung như anh T trình bày là đúng. Theo chị, vợ chồng không hạnh phúc ngay từ khi mới chung sống nhưng vì thương các con nên chị cố gắng níu kéo hạnh phúc gia đình. Từ năm 2017, anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, thường xuyên vắng nhà, không có trách nhiệm với vợ con nên mâu thuẫn càng căng thẳng, nặng nề hơn, vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã nhau, cuộc sống như địa ngục; hai bên gia đình đã động viên nhưng mâu thuẫn vợ chồng không cải thiện được. Đến nay, chị xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và mệt mỏi với hôn nhân của mình nhưng anh T xin ly hôn thì chị không đồng ý. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, cháu Ngô Tuấn A đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị xin được nuôi con chung Ngô Thị Quỳnh A và yêu cầu anh T phải có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng. Về tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Anh T và chị X xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Biên, quận Lê Chân, Hải Phòng vào năm 2000 và có 02 con chung. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2017. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh T được ly hôn chị X; về con chung: Giao con chung là Ngô Thị Quỳnh A cho chị X nuôi dưỡng, anh T có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/tháng; về tài sản

chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn anh Ngô Anh T khởi kiện xin ly hôn chị Nguyễn Thị X. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn; bị đơn cư trú tại địa bàn quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Lê Chân.

[2] Bị đơn chị Nguyễn Thị X đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Anh T và chị Nguyễn Thị X kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Giấy chứng nhận kết hôn số 52, quyển số 01, do Ủy ban nhân dân phường An Biên, quận Lê Chân, Hải Phòng cấp ngày 05 tháng 9 năm 2000 nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc, do quan điểm sống, lối sống, tính cách không hòa hợp, thường xuyên xảy ra va chạm cãi vã lẫn nhau; hơn nữa, chị X nghi ngờ anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn và đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải. Tiến hành thu thập chứng cứ xác minh về thực trạng hôn nhân giữa anh T và chị X tại nơi cư trú cho thấy: Vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, xô xát lẫn nhau, gia đình và chính quyền địa phương đã hòa giải nhưng không có kết quả. Do vậy, việc anh T đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị X là có cơ sở nên cần chấp nhận.

Xét thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị X đã thực sự trầm trọng; cuộc sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh Ngô Anh T được ly hôn chị Nguyễn Thị X là phù hợp.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, cháu Ngô Tuấn A, sinh ngày 29/3/1998 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, hai bên thống nhất giao con chung là Ngô Thị Quỳnh A cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng, anh T có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị X là 2.000.000đ/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận. Về tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Ngô Anh T và chị Nguyễn Thị X.

2. Về con chung: Giao con chung là Ngô Thị Quỳnh A, sinh ngày 29/12/2008 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh T có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Số tiền này anh T đã nộp đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân theo biên lai thu tiền số 0012615 ngày 03 tháng 7 năm 2018.

Anh Ngô Anh T còn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ để sung quỹ Nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị X được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Về quyền thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hánh án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Lê Chân;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Lê Chân;
- UBND p. An Biên, Lê Chân, HP;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hương